



**CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 2031/2021/TB-CPC1HN

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2021

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Tên công ty: Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội

Mã chứng khoán: DTP

Trụ sở chính: Cụm CN Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội

Điện thoại : 0243.3765503

Fax: 0243.3765504

Người thực hiện công bố thông tin: Tạ Thị Hải Huyền

Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ 72 ☐ Yêu cầu ☒ Bất thường ☐ Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Đính chính Báo cáo tài chính Quý III năm 2021 của Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội do sơ suất trong quá trình cập nhật dữ liệu.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty ngày 30/10/2021 tại địa chỉ: <https://cpc1hn.com.vn/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: HĐQT, VT.

Người thực hiện công bố thông tin

Tạ Thị Hải Huyền

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPCI HÀ NỘI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2021 đến ngày 30/09/2021

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý 3/2021	
Bảng cân đối kế toán	02 - 03
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	04
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	05
Thuyết minh Báo cáo tài chính	06 - 24

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI

Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình,
huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán
từ ngày 01/07/2021 đến ngày 30/09/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2021

MẪU SỐ B 01a-DN

TÀI SẢN	Mã số	30/09/2021	01/01/2021
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	372,835,793,081	274,217,943,922
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	9,931,014,380	13,471,533,262
1. Tiền	111	9,931,014,380	13,471,533,262
2. Các khoản tương đương tiền	112		
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	192,364,214,523	163,071,288,819
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	145,264,501,142	146,466,585,835
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	44,608,627,645	14,681,455,143
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	2,584,600,044	2,338,218,435
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	(93,514,308)	(414,970,594)
IV. Hàng tồn kho	140	167,732,104,622	94,652,750,594
1. Hàng tồn kho	141	167,732,104,622	94,652,750,594
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	2,808,459,556	3,022,371,247
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	2,242,557,847	1,716,961,715
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	459,369,064	140,811,420
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	106,532,645	1,164,598,112
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200	252,737,560,238	259,484,536,421
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	2,244,892,549	2,168,112,733
1. Phải thu dài hạn khác	216	2,244,892,549	2,168,112,733
II. Tài sản cố định	220	234,551,950,834	242,155,056,528
1. Tài sản cố định hữu hình	221	218,056,297,806	225,943,739,488
- Nguyên giá	222	352,545,841,748	334,706,472,794
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(134,489,543,942)	(108,762,733,306)
2. Tài sản cố định vô hình	227	16,495,653,028	16,211,317,040
- Nguyên giá	228	20,986,434,763	20,260,434,763
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	(4,490,781,735)	(4,049,117,723)
III. Bất động sản đầu tư	230	-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	238,000,000	132,000,000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	238,000,000	132,000,000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260	15,702,716,855	15,029,367,160
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15,702,716,855	15,029,367,160
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270	625,573,353,319	533,702,480,343

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2021

Mẫu số B 01a-DN

NGUỒN VỐN	Mã số	30/09/2021	01/01/2021
A - NỢ PHẢI TRẢ	300	206,685,437,827	174,107,958,956
I. Nợ ngắn hạn	310	170,203,987,827	129,987,224,956
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	36,336,100,848	22,543,974,095
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	9,604,169,760	6,303,790,318
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5,836,824,164	1,601,349,796
4. Phải trả người lao động	314	9,047,285,465	20,458,588,754
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	2,016,457,614	3,300,168,687
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	11,171,524,087	940,602,131
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	80,278,015,000	66,567,616,000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	15,913,610,889	8,271,135,175
II. Nợ dài hạn	330	36,481,450,000	44,120,734,000
1. Phải trả dài hạn khác	337	250,000,000	130,000,000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	32,931,450,000	40,690,734,000
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	3,300,000,000	3,300,000,000
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	418,887,915,492	359,594,521,387
I. Vốn chủ sở hữu	410	419,482,786,292	360,189,392,187
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	121,717,820,000	121,717,820,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	121,717,820,000	121,717,820,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	5,473,000,000	5,473,000,000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	67,287,589,524	42,984,939,613
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	225,004,376,768	190,013,632,574
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	147,875,554,874	92,803,032,931
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	77,128,821,894	97,210,599,643
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	(594,870,800)	(594,870,800)
1. Nguồn kinh phí	431	(594,870,800)	(594,870,800)
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	625,573,353,319	533,702,480,343

Người lập biểu

Phùng Thị Thảo Hương

Kế toán trưởng

Đặng Thị Thu Thủy

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2021

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Lê Nam Thắng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2021 đến ngày 30/09/2021

MẪU SỐ B 02a- DN

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3/2021	Quý 3/2020
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	130,373,895,452	126,629,603,002
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		874,956,971	342,701,678
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		129,498,938,481	126,286,901,324
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.27	58,663,104,956	63,010,132,555
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		70,835,833,525	63,276,768,769
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	116,733,967	344,199,086
7	Chi phí tài chính	22	VI.28	2,115,782,674	2,871,553,527
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>			<i>2,110,535,589</i>	<i>2,851,666,292</i>
8	Chi phí bán hàng	24		34,478,603,430	29,033,672,365
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5,874,659,588	4,705,368,942
10	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh {30= 20+ (21-22) - (24+25)}	30		28,483,521,800	27,010,373,021
11	Thu nhập khác	31		53,601,281	1,209,184
12	Chi phí khác	32		497,741,154	116,416,099
13	Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		(444,139,873)	(115,206,915)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		28,039,381,927	26,895,166,106
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	2,692,141,891	2,362,874,652
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		25,347,240,036	24,532,291,454
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP)	70			
19	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Người lập biểu

Phùng Thị Thảo Hương

Phùng Thị Thảo Hương

Kế toán trưởng

Đặng Thị Thu Thủy

Đặng Thị Thu Thủy

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2021

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Lê Nam Thắng

Lê Nam Thắng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2021 đến ngày 30/09/2021

MẪU SỐ B 03a-DN

	Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/07/2021 đến 30/9/2021	Từ 01/07/2020 đến 30/9/2020
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	118,721,419,684	126,385,325,706
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(85,774,584,245)	(83,353,273,647)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03	(28,933,674,582)	(22,821,977,842)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04	(1,947,306,858)	(2,707,860,117)
5.	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(418,520,373)	(3,100,000,000)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1,200,000,000	107,025,169
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(790,000,000)	(3,213,741,998)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2,057,333,626	11,295,497,271
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(5,156,900,458)	(755,196,700)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	55,000,000	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	51,822,791	503,039,014
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5,050,077,667)	(252,157,686)
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ	31	-	-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33	15,910,880,000	-
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34	(13,293,702,621)	(10,631,536,847)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5,587,187,760)	(2,147,715,350)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2,970,010,381)	(12,779,252,197)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(5,962,754,422)	(1,735,912,612)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	15,893,768,802	19,105,101,069
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	9,931,014,380	17,369,188,457

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2021

Người lập biểu

Phùng Thị Thảo Hương

Kế toán trưởng

Đặng Thị Thu Thủy

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Lê Nam Thắng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104089394 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/08/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 10/11/2017.

Trụ sở chính của Công ty tại Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ: 121.717.820.000 VND (Bằng chữ: Một trăm hai mươi mốt tỷ, bảy trăm mười bảy triệu, tám trăm hai mươi nghìn đồng./.)

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Sản xuất bao bì từ plastic; Sản xuất bao bì bằng gỗ; sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa;
- Quảng cáo; Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng;
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Kinh doanh bất động sản; Doanh nghiệp bán buôn thuốc, bán buôn dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ;
- Doanh nghiệp bán thuốc; Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi thăm quan, du lịch hoặc mục đích khác;
- Tư vấn và giúp đỡ kinh doanh hoặc dịch vụ lập kế hoạch, tổ chức, hoạt động hiệu quả, thông tin quản lý; Dịch vụ tư vấn hỗ trợ thành lập doanh nghiệp và quản lý doanh nghiệp;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ kính mắt, kính thuốc;
- Sản xuất thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng, dinh dưỡng, thực phẩm chăm sóc sức khỏe, thực phẩm bổ dưỡng, thực phẩm bổ sung và các thực phẩm chế biến khác (trừ loại Nhà nước cấm);
- Bán buôn thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng, dinh dưỡng, thực phẩm chăm sóc sức khỏe, thực phẩm bổ dưỡng, thực phẩm bổ sung và các thực phẩm chế biến khác (trừ loại Nhà nước cấm);
- Bán lẻ thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng, dinh dưỡng, thực phẩm chăm sóc sức khỏe, thực phẩm bổ dưỡng, thực phẩm bổ sung và các thực phẩm chế biến khác (trừ loại Nhà nước cấm);
- Bán buôn vacxin, sinh phẩm y tế; Xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Nhập khẩu trang thiết bị y tế; Bán buôn dược liệu, thuốc đông y, thuốc từ dược liệu; Bán buôn chế phẩm diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế; Bán buôn nguyên liệu, phụ gia thực phẩm, thức ăn chăn;
- Dịch vụ nhập khẩu ủy thác;
- Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc, Đại diện thương nhân; Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc sau:

Tên chi nhánh	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội	Số 356A, đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội - Chi nhánh Đà Nẵng	Lô 144-B2-2, đường Hoàng Thị Loan, phường Hoà Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	Số 26-28, đường Hàn Mạc Tử, phường Tân Thành, quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính kỳ kế toán kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính kỳ kế toán.

Báo cáo tài chính kỳ kế toán kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 05 năm 2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính kỳ kế toán được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng Chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán Fast Business

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Việc lập Báo cáo tài chính các kỳ kế toán tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi (nếu có).

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm;
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày lập báo cáo được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo. Tại thời điểm 30/09/2021, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Đối với tài sản cố định có sự điều chỉnh nguyên giá thì số khấu hao được tính bằng nguyên giá mới trừ đi số đã khấu hao chia cho thời gian khấu hao còn lại.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

	Năm sử dụng ước tính
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 45
Máy móc, thiết bị	04 - 15
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10
Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	08
Tài sản cố định khác	02 - 12

Tài sản cố định vô hình và hao mòn***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị quyền sử dụng 30.306,3 m² diện tích đất thuê tại Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội trong 45 năm của Công ty. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê đất.

Phần mềm kế toán

Phần mềm kế toán được ghi nhận ban đầu theo giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Phần mềm kế toán được tính hao mòn theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước là chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, bao gồm chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, công cụ dụng cụ xuất dùng một lần với giá trị lớn và bản thân công cụ, dụng cụ tham gia vào hoạt động kinh doanh trên một năm tài chính được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán căn cứ theo hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo hóa đơn mua hàng của bên bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và hợp đồng kinh tế.

Thực hiện theo dõi nợ phải trả chi tiết cho nhà cung cấp, cuối tháng lên biên bản đối chiếu công nợ gửi nhà cung cấp ký xác nhận.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả ghi nhận các khoản chi phí ước tính cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng thực tế chưa phát sinh việc chi trả do chưa có số liệu quyết toán chính thức với đơn vị cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá và chênh lệch tăng, giảm so với giá mua lại khi bán cổ phiếu quỹ.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp cung cấp dịch vụ trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu của dịch vụ trong từng kỳ được thực hiện theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ, thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hoạt động kinh doanh	Thuế suất
- Hoạt động xuất khẩu thuốc tân dược	0%
- Hoạt động bán thuốc tân dược	5%
- Hoạt động bán thực phẩm chức năng, cho thuê kho	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 20% tính trên thu nhập tính thuế.

Công ty đáp ứng được điều kiện miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 80/2007/NĐ-CP ngày 19/05/2007 của Chính Phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ do là doanh nghiệp khoa học và công nghệ, theo Giấy chứng nhận số 44/DNKHCN do Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội cấp ngày 19 tháng 07 năm 2018.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty.

Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty.

Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, thành viên của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền**

	30/09/2021	01/01/2021
Tiền mặt	1,955,013,602	877,712,000
Tiền gửi ngân hàng	7,976,000,778	12,593,821,262
Cộng	9,931,014,380	13,471,533,262

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI

Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình,
huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán
từ ngày 01/07/2021 đến ngày 30/09/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

2. Công nợ với khách hàng**a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	30/09/2021	01/01/2021
Phải thu bên liên quan	15,349,715,829	11,277,719,714
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	4,012,709,645	4,730,265,567
Công ty TNHH Dược phẩm VNP	2,549,996,779	3,165,266,766
Công ty TNHH Dược phẩm Tân Thịnh	8,306,336,889	3,334,997,381
Công ty Cổ phần Dược phẩm Medzavy	149,710,000	47,190,000
Công ty CP Upharma	330,962,516	-
Phải thu các khách hàng khác	129,914,785,313	135,188,866,121
Công ty TNHH sản xuất và đầu tư phát triển Thuận Phát	12,089,527,442	11,784,916,727
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha Cần Thơ	2,688,070,803	4,945,957,643
Khách hàng khác	115,137,187,068	118,457,991,751
Cộng	145,264,501,142	146,466,585,835

b. Khách hàng thanh toán trước tiền hàng

	30/09/2021	01/01/2021
Công ty cổ phần dược phẩm Euphar	-	506,146,676
CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BIOPHA	1,149,030,270	1,587,730,080
Khách hàng khác	8,455,139,490	4,209,913,562
Cộng	9,604,169,760	6,303,790,318

3. Các khoản phải thu khác**Phải thu ngắn hạn khác**

	30/09/2021	01/01/2021
Tạm ứng	670,340,347	1,046,603,466
Kí cược, kí quỹ	524,023,621	876,376,019
Phải thu thuế GTGT hàng uỷ thác	-	11,304,681
Phải thu tiền hàng uỷ thác	-	42,676,447
Ứng trước tiền hàng uỷ thác	701,565,089	126,920,820
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	688,670,987	234,337,002
Cộng	2,584,600,044	2,338,218,435

Phải thu dài hạn khác

	30/09/2021	01/01/2021
Phải thu bên liên quan	400,000,000	400,000,000
Công ty CP Dược phẩm Trung ương CPC1- Đặt cọc thuê văn phòng	400,000,000	400,000,000
Phải thu tổ chức, cá nhân khác	1,844,892,549	1,768,112,733
Ký cược, ký quỹ	1,844,892,549	1,768,112,733
Cộng	2,244,892,549	2,168,112,733

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI

Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình,
huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán
từ ngày 01/07/2021 đến ngày 30/09/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Thời gian quá hạn	30/09/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Từ 6 tháng đến 1 năm	-	-	835,726,208	250,717,862
Từ 1 năm đến 2 năm	127,078,470	63,539,235	250,568,123	125,284,062
Từ 2 năm đến 3 năm	8,061,103	5,642,773	20,128,100	14,089,670
Trên 3 năm	24,332,300	24,332,300	24,879,000	24,879,000
Cộng	159,471,873	93,514,308	1,131,301,431	414,970,594

5. Hàng tồn kho

	30/09/2021	01/01/2021
Nguyên liệu, vật liệu, CCDC	95,590,793,613	50,385,224,379
Hàng hóa, thành phẩm	72,141,311,009	44,267,526,215
Cộng	167,732,104,622	94,652,750,594

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/09/2021	01/01/2021
Chi phí mua Laf A thiết kế 3 Module	-	132,000,000
Chi phí phần mềm Fast- HĐ số TND210505F1	238,000,000	-
Cộng	238,000,000	132,000,000

Cum công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2021 đến ngày 30/09/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN

7. Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Cộng
Số dư đầu kỳ	88,025,638,893	218,696,754,948	14,107,266,272	13,876,812,681	334,706,472,794
Mua trong kỳ	-	15,220,281,682	1,566,487,272	733,500,000	17,520,268,954
Đầu tư XDCB hoàn thành	319,100,000				319,100,000
Tặng khác					-
Chuyển sang BĐS đầu tư					-
Thanh lý, nhượng bán					-
Giảm khác					-
Số dư cuối kỳ	88,344,738,893	233,917,036,630	15,673,753,544	14,610,312,681	352,545,841,748
Giá trị hao mòn lũy kế					-
Số dư đầu kỳ	17,706,049,030	80,339,563,591	4,325,445,519	6,391,675,166	108,762,733,306
Khấu hao trong kỳ	1,979,415,150	20,152,858,802	1,770,304,872	1,824,231,812	25,726,810,636
Chuyển sang BĐS đầu tư					-
Thanh lý, nhượng bán					-
Giảm khác					-
Số dư cuối kỳ	19,685,464,180	100,492,422,393	6,095,750,391	8,215,906,978	134,489,543,942
Giá trị còn lại					-
Số dư đầu kỳ	70,319,589,863	138,357,191,357	9,781,820,753	7,485,137,515	225,943,739,488
Số dư cuối kỳ	68,659,274,713	133,424,614,237	9,578,003,153	6,394,405,703	218,056,297,806

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI

Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình,
huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán
từ ngày 01/07/2021 đến ngày 30/09/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

8. Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	20,260,434,763	-	20,260,434,763
Mua trong năm		726,000,000	726,000,000
Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp		-	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh		-	-
Tăng khác		-	-
Thanh lý, nhượng bán		-	-
Giảm khác		-	-
Số dư cuối kỳ	20,260,434,763	726,000,000	20,986,434,763
		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	4,049,117,723	-	4,049,117,723
Khấu hao trong kỳ	337,735,773	103,928,239	441,664,012
Tăng khác	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối kỳ	4,386,853,496	103,928,239	4,490,781,735
Giá trị còn lại			-
Số dư đầu kỳ	16,211,317,040	-	16,211,317,040
Số dư cuối kỳ	15,873,581,267	622,071,761	16,495,653,028

9. Chi phí trả trước**Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/09/2021	01/01/2021
Chi phí công cụ, dụng cụ	1,587,632,873	615,969,964
Chi phí thuê văn phòng	324,500,000	753,750,000
Chi phí bảo hiểm	109,859,032	79,191,342
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	220,565,942	268,050,409
Cộng	2,242,557,847	1,716,961,715

Chi phí trả trước dài hạn

	30/09/2021	01/01/2021
Chi phí công cụ, dụng cụ	8,497,452,071	7,758,539,012
Chi phí sửa chữa, bảo trì máy móc	6,660,701,068	6,082,343,696
Các chi phí trả trước dài hạn khác	544,563,716	1,188,484,452
Cộng	15,702,716,855	15,029,367,160

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

10. Vay và nợ thuê tài chính

Vay ngắn hạn

Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan

Thành viên Hội đồng quản trị

Các cổ đông lớn

Vay ngắn hạn các cá nhân khác

Vay ngắn hạn Ngân hàng VND

Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) - PGD Timescity

Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hoàng Mai

Vay ngắn hạn Ngân hàng(ngoại tệ)

Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) - PGD Timescity

Vay dài hạn đến hạn trả

Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)- Phòng giao dịch Timescity

Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hoàng Mai

Cộng

	30/09/2021	01/01/2021
	43,039,966,000	42,539,966,000
	27,349,412,000	26,849,412,000
	15,690,554,000	15,690,554,000
	6,071,131,000	6,172,342,000
	-	-
	19,527,992,000	2,181,740,000
	19,527,992,000	2,181,740,000
	11,638,926,000	15,673,568,000
	11,481,426,000	15,308,568,000
	157,500,000	365,000,000
	80,278,015,000	66,567,616,000

Vay dài hạn

Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) - PGD Timescity

Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hoàng Mai

Cộng

	30/09/2021	01/01/2021
	32,371,450,000	40,025,734,000
	560,000,000	665,000,000
	32,931,450,000	40,690,734,000

Các khoản vay cá nhân không có tài sản đảm bảo, mục đích bổ sung vốn lưu động, lãi suất 7%/năm, hợp đồng vay không quy định thời hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

11. Công nợ với nhà cung cấp

	30/09/2021	01/01/2021
Phải trả các bên liên quan	2,881,549,789	1,357,456,388
Công ty CP dược phẩm Trung ương CPC1	52,418,340	-
Công ty TNHH Dược phẩm Tân Thịnh	2,829,131,449	1,357,456,388
Phải trả các nhà cung cấp khác	33,454,551,059	21,186,517,707
Công ty TNHH Sản xuất và đầu tư phát triển Thuận Phát	5,305,289,082	3,257,448,694
Nhà cung cấp khác	28,149,261,977	17,929,069,013
Cộng	36,336,100,848	22,543,974,095

b. Trả trước cho người bán

	30/09/2021	01/01/2021
Công ty TNHH SX nhựa TM DV Toàn Thịnh	188,650,000	218,365,400
Zibo Haiqiao Import & Export Co., LTD.	-	1,389,280,380
Công ty TNHH Thương Mại và Xây Dựng Công Nghiệp HKC Việt Nam	1,000,406,420	615,748,396
Rieckermann Services Limited	1,881,000,000	1,881,000,000
Nhà cung cấp khác	41,538,571,225	10,577,060,967
Cộng	44,608,627,645	14,681,455,143

12. Thuế và các khoản phải nộp/ phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	30/09/2021		01/01/2021	
	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	62,082,276	353,483,525	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	44,450,369	-	113,046,808
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5,581,114,439	-	-	1,051,551,304
Thuế thu nhập cá nhân	217,694,288	-	1,247,866,271	-
Tiền thuê đất	-	-	-	-
Các loại thuế khác	38,015,437	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
Cộng	5,836,824,164	106,532,645	1,601,349,796	1,164,598,112

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/09/2021	01/01/2021
<i>Phải trả các bên liên quan chi phí lãi vay</i>	756,992,823	964,573,327
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	480,151,269	606,705,714
Bà Lê Thị Kim Ánh	133,461,783	169,479,306
Ông Nguyễn Tiến Lung	63,781,036	68,336,825
Bà Phùng Thanh Hương	79,598,735	120,051,482
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	1,259,464,791	1,014,189,182
Chi phí lãi vay phải trả	107,118,035	186,799,131
Chi phí thuế TNCN	1,117,142,756	777,392,051
Chi phí thuê văn phòng	24,999,000	49,998,000
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	10,205,000	1,321,406,178
Cộng	2,016,457,614	3,300,168,687

14. Các khoản phải trả khác

Phải trả ngắn hạn khác

	30/09/2021	01/01/2021
Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm	1,838,796,094	280,302,196
Cổ tức phải trả	3,932,747,600	24,730,000
Phải trả uỷ thác nhập khẩu	-	-
Nhận ứng trước tiền hàng uỷ thác	699,861,115	253,858,832
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4,700,119,278	381,711,103
Cộng	11,171,524,087	940,602,131

Phải trả dài hạn khác

	30/09/2021	01/01/2021
Nhận ký cược, ký quỹ	250,000,000	130,000,000
Cộng	250,000,000	130,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI

Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2021 đến ngày 30/09/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN**15. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư ngày 01-01-2021	121,717,820,000	5,473,000,000	42,984,939,613	190,013,632,574	360,189,392,187
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	77,128,821,894	77,128,821,894
Chia cổ tức	-	-	-	(9,737,425,600)	(9,737,425,600)
Trích lập các quỹ	-	-	24,302,649,911	(32,344,652,100)	(8,042,002,189)
Thường HDQT,					
Ban Kiểm soát	-	-	-	(56,000,000)	(56,000,000)
Giám khác	-	-	-		
Số dư ngày 30/09/2021	121,717,820,000	5,473,000,000	67,287,589,524	225,004,376,768	419,482,786,292

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>30/09/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Nguyễn Thanh Bình	22,940,000,000	22,940,000,000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	20,000,000,000	20,000,000,000
Lê Thị Kim Ánh	18,750,000,000	18,750,000,000
Phùng Thanh Hương	12,480,000,000	12,480,000,000
Lê Nam Thắng	10,100,660,000	10,100,660,000
Cổ đông khác	37,447,160,000	37,447,160,000
Cộng	<u>121,717,820,000</u>	<u>121,717,820,000</u>

c) Giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	<u>30/09/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	121,717,820,000	121,717,820,000
Vốn góp tăng trong năm		
Vốn góp giảm trong năm		
Vốn góp cuối năm	<u>121,717,820,000</u>	<u>121,717,820,000</u>

d) Cổ phiếu

	<u>30/09/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12,171,782	12,171,782
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	12,171,782	12,171,782
- Cổ phiếu phổ thông	12,171,782	12,171,782
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12,171,782	12,171,782
- Cổ phiếu phổ thông	12,171,782	12,171,782
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu.

16. Nguồn kinh phí

	<u>Từ 01/07/2021</u> <u>đến 30/09/2021</u>	<u>Từ 01/07/2020</u> <u>đến 30/09/2020</u>
Số đầu kì	(594,870,800)	1,302,703,790
Nguồn kinh phí được cấp	-	-
Chi sự nghiệp	-	(322,678,250)
Số cuối kì	<u>(594,870,800)</u>	<u>980,025,540</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/07/2021 đến 30/09/2021	Từ 01/07/2020 đến 30/09/2020
Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm	128,435,469,390	124,878,949,452
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1,938,426,062	1,750,653,550
Cộng	130,373,895,452	126,629,603,002
<i>Trong đó, doanh thu với các bên liên quan:</i>		
Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm	8,991,998,408	13,816,431,725
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1,086,312,006	354,750,000
Cộng	10,078,310,414	14,171,181,725

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/07/2021 đến 30/09/2021	Từ 01/07/2020 đến 30/09/2020
Hàng bán trả lại	874,956,971	342,701,678
Chiết khấu thương mại	-	-
Cộng	874,956,971	342,701,678

3. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/07/2021 đến 30/09/2021	Từ 01/07/2020 đến 30/09/2020
Giá vốn hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	58,663,104,956	63,010,132,555
Cộng	58,663,104,956	63,010,132,555

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/07/2021 đến 30/09/2021	Từ 01/07/2020 đến 30/09/2020
Lãi tiền gửi, tiền cho vay		63,486,416
Lãi chênh lệch tỷ giá	113,194,609	28,081,091
Doanh thu tài chính khác	3,539,358	252,631,579
Cộng	116,733,967	344,199,086

5. Chi phí tài chính

	Từ 01/07/2021 đến 30/09/2021	Từ 01/07/2020 đến 30/09/2020
Chi phí lãi vay	2,110,535,589	2,851,666,292
Lỗ chênh lệch tỷ giá	5,247,085	19,887,235
Chiết khấu thanh toán		
Cộng	2,115,782,674	2,871,553,527

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. Thu nhập khác

	Từ 01/07/2021 đến 30/09/2021	Từ 01/07/2020 đến 30/09/2020
Thu nhập thanh lý TSCĐ	-	-
Thu từ khoản phạt vi phạm hợp đồng	-	-
Thu nhập khác	3,601,281	1,209,184
Cộng	3,601,281	1,209,184

7. Chi phí khác

	Từ 01/07/2021 đến 30/09/2021	Từ 01/07/2020 đến 30/09/2020
Thuế bị phạt bị truy thu	-	-
Phạt vi phạm hành chính	9,237,000	15,000,000
Chi phí tiền thuê đất	-	101,403,402
Giá trị còn lại TSCĐ thanh lý	219,537,033	-
Chi phí khác	218,967,121	12,697
Cộng	447,741,154	116,416,099

8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng

	Từ 01/07/2021 đến 30/09/2021	Từ 01/07/2020 đến 30/09/2020
Chi phí cho nhân viên	19,467,031,401	15,794,175,096
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	565,846,076	639,101,110
Chi phí khấu hao tài sản cố định	620,909,526	405,079,303
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5,662,373,036	8,930,229,327
Các chi phí khác	8,162,443,391	3,265,087,529
Cộng	34,478,603,430	29,033,672,365

Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/07/2021 đến 30/09/2021	Từ 01/07/2020 đến 30/09/2020
Chi phí cho nhân viên	3,482,462,299	2,089,925,519
Chi phí đồ dùng văn phòng	125,972,640	260,623,165
Chi phí khấu hao tài sản cố định	480,570,192	562,892,684
Thuế, phí và lệ phí	242,399,418	253,931,267
Chi phí khác	1,543,255,039	1,537,996,307
Cộng	5,874,659,588	4,705,368,942

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

9. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Từ 01/07/2021 đến 30/09/2021 VND	Từ 01/07/2020 đến 30/09/2020 VND
Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	28,039,381,927	26,895,166,106
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	27,955,167	134,403,404
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	27,955,167	
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ		134,403,404
Thu nhập tính thuế	28,067,337,094	27,029,569,510
Thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh chính hưởng ưu đãi (thuế suất 10%)	14,606,627,638	15,216,276,673.52
Thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh chính không hưởng ưu đãi (thuế suất 20%)	13,460,709,456	11,813,292,836
Thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành	5,613,467,419	5,405,913,903
Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng thuế suất khác với thuế suất phổ thông	1,460,662,764	1,521,519,626
Thuế TNDN được miễn	1,460,662,764	1,521,519,626
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	2,692,141,891	2,362,874,652

Người lập biểu



Phùng Thị Thảo Hương

Kế toán trưởng



Đặng Thị Thu Thủy

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2021



Chủ tịch Hội đồng quản trị



Lê Nam Thắng